

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS TÂN VIÊN

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ KHỎI MÀM NON VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ
THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP NĂM 2024 (HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025)

Đơn vị: nghìn đồng

Stt	Đơn vị	Mức học phí	Số tháng cấp bù	Kinh phí hỗ trợ thực tế															Tổng kinh phí
				Miễn							Giảm 70%			Giảm 50%					
				Người có công, thân nhân người có công với cách mạng	Trẻ em MG, học sinh tàn tật, khuyết tật	Trẻ em MG, học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng (Khoản 1-Điều 5 Nghị định 20/2021/NĐ-CP)	Trẻ em mẫu giáo, học sinh có cha hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo	Con hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại Khoản 2-Điều 6 Nghị định 27/2016/NĐ-CP)	Tổng cộng	Thành tiền	Mức giảm học phí (70%)	Trẻ em mẫu giáo, học sinh là người dân tộc thiểu số ở thôn/ bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng ven biển hải đảo theo quy định	Thành tiền	Mức giảm học phí (50%)	Cha mẹ là cán bộ, công nhân, viên chức bị chết tại nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp hưởng trợ cấp thường xuyên	Trẻ em mẫu giáo, học sinh có cha hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ	Tổng cộng	Thành tiền	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Trần Quốc Đạt	62	4				1		1	248	43.4			31			0	0	248
2	Đặng Xuân Long	62	4	1					1	248	43.4			31			0	0	248
3	Vũ Văn Thắng	62	4		1				1	248	43.4			31			0	0	248
4	Trần Thị Yến Nhi	62	4		1				1	248	43.4			31			0	0	248
5	Phạm Minh Khang	62	4				1		1	248	43.4			31			0	0	248
6	Ninh Thị Mỹ Duyên	62	4						0	0	43.4			31		1	1	124	124
7	Phạm Ngọc Ánh	62	4						0	0	43.4			31		1	1	124	124
8	Nguyễn Ngọc Hương	62	4						0	0	43.4			31		1	1	124	124
9	Nguyễn Ngọc Hiếu	62	4						0	0	43.4			31		1	1	124	124

Stt	Đơn vị	Mức học phí	Số tháng cấp bù	Kinh phí hỗ trợ thực tế															
				Miễn							Giảm 70%			Giảm 50%					Tổng kinh phí
				Người có công, thân nhân người có công với cách mạng	Trẻ em MG, học sinh tàn tật, khuyết tật	Trẻ em MG, học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng (Khoản 1- Điều 5 Nghị định 20/2021/NĐ-CP)	Trẻ em mẫu giáo, học sinh có cha hoặc mẹ, hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo	Con hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại Khoản 2- Điều 6 Nghị định 27/2016/NĐ-CP)	Tổng cộng	Thành tiền	Mức giảm học phí (70%)	Trẻ em mẫu giáo, học sinh là người dân tộc thiểu số ở thôn/ bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng ven biển hải đảo theo quy định	Thành tiền	Mức giảm học phí (50%)	Cha mẹ là cán bộ, công nhân, viên chức bị tử nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp hưởng trợ cấp thường xuyên	Trẻ em mẫu giáo, học sinh có cha hoặc mẹ, hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ	Tổng cộng	Thành tiền	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
10	Nguyễn Thị Thiên Hà	62	4						0	0	43.4			31		1	1	124	124
11	Nguyễn Thị Thiên Trang	62	4						0	0	43.4			31		1	1	124	124
12	Nguyễn Thị Hồng Vân	62	4						0	0	43.4			31		1	1	124	124
13	Nguyễn Thế Hoàng	62	4						0	0	43.4			31		1	1	124	124
	TỔNG CỘNG			1	2	0	2	0	5	1240		0	0		0	8	8	992	2,232

An Lão, ngày 15 tháng 09 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU


Nguyễn Thị Nhân

UBND XÃ XÁC NHẬN




PHÓ CHỦ TỊCH
Lương Đăng Chương

HIỆU TRƯỞNG




Phạm Văn Hải

DANH SÁCH HỌC SINH

Đề nghị hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019
của Hội đồng nhân dân thành phố (Học kỳ 1- NH 2024-2025)

TT theo Đơn vị	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ học phí	Số tháng hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí đợt 2 năm 2024 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được giảm học phí ở chính sách	Tổng kinh phí hỗ trợ đợt 2 năm 2024 theo NQ54/2019/ NQ-HĐND	Ký xác nhận
1	Đào Thị Minh Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
2	Nguyễn Đức Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
3	Đặng Nguyễn Kiều Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
4	Phạm Thị Ngọc Ánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
5	Vũ Văn Bảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bảo
6	Nguyễn Thuý Chi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Chi
7	Nguyễn Anh Duy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Duy
8	Phạm Thị Thuý Dương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dương
9	Nguyễn Thiên Hải Dương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dương
10	Đặng Thị Thuý Dương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dương
11	Phạm Tùng Dương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dương
12	Nguyễn Hải Đăng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đăng
13	Nguyễn Ngọc Hà	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hà
14	Nguyễn Thị Thiên Hà	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000	124,000	124,000	Hà
15	Nguyễn Minh Hải	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hải
16	Nguyễn Thị Thu Hiền	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiền
17	Nguyễn Ngọc Hiếu	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiếu
18	Nguyễn Việt Hoà	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hoà
19	Đỗ Gia Huy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Huy
20	Vũ Lam	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Lam
21	Lương Thanh Lam	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Lam
22	Nguyễn Văn Lâm	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Lâm
23	Vũ Trúc Bảo Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh
24	Nguyễn Xuân Mai	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Mai
25	Đào Quang Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
26	Nguyễn Tuấn Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
27	Nguyễn Bá Danh Nam	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nam
28	Hoàng Thu Ngân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngân
29	Trần Thị Bảo Ngọc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngọc
30	Đặng Xuân Yến Nhi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhi
31	Nguyễn Xuân Phú	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phú
32	Trương Minh Quân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quân
33	Lê Nam Quốc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quốc
34	Vũ Xuân Quý	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quý
35	Lương Thị Quyên	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quyên
36	Ngô Doãn Phương Tây	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tây
37	Phạm Văn Thái	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thái
38	Nguyễn Thị Phương Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo
39	Mai Ngọc Thuận	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thuận
40	Nguyễn Thị Mai Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang
41	Nguyễn Thị Thiên Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000	124,000	124,000	Trang
42	Nguyễn Huyền Trân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trân
43	Đặng Việt Bình An	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	An
44	Bùi Bình An	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	An



TT theo Đơn vị	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ học phí	Số tháng hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí đợt 2 năm 2024 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được giảm học phí ở chính sách	Tổng kinh phí hỗ trợ đợt 2 năm 2024 theo NQ54/2019/ NQ-HĐND	Ký xác nhận	TT theo Đơn
45	Nguyễn Văn Tuấn Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh	
46	Đặng Châu Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh	
47	Trần Lê Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh	
48	Vũ Thị Hoàng Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh	
49	Nguyễn Xuân Bắc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bắc	
50	Ngô Thùy Chi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Chi	
51	Nguyễn Thanh Hiền	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiền	
52	Nguyễn Trọng Hiếu	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiếu	
53	Hoàng Mạnh Hùng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hùng	
54	Lê Thanh Huyền	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Huyền	
55	Nguyễn Ngọc Ký	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ký	
56	Vũ Đình Khang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khang	
57	Đào Gia Khánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khánh	
58	Đặng Duy Khánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khánh	
59	Trần Tùng Lâm	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tùng Lâm	
60	Nguyễn Khánh Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh	
61	Nguyễn Thành Nam	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nam	
62	Đỗ Thị Quỳnh Nga	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nga	
63	Bùi Thị Hà Ngân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngân	
64	Vũ Quỳnh Như	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Như	
65	Ngô Trọng Quý Phong	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phong	
66	Nguyễn Hà Phương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phương	
67	Lương Đăng Minh Quân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quân	
68	Nguyễn Thị Như Quỳnh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quỳnh	
69	Nguyễn Hữu Xuân Tài	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tài	
70	Trần Thị Thanh Tâm	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tâm	
71	Nguyễn Văn Tiến	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tiến	
72	Nguyễn Văn Ngọc Tuấn	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tuấn	
73	Phạm Anh Tuấn	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tuấn	
74	Ngô Quang Thanh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thanh	
75	Trần Phương Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo	
76	Đào Thanh Thủy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thủy	
77	Vũ Thị Hà Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang	
78	Vũ Thị Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang	
79	Đỗ Trần Thùy Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang	
80	Nguyễn Quang Vinh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vinh	
81	Phạm Đức Vượng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vượng	
82	Nguyễn Thị Hải Yến	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Yến	
83	Nguyễn Phương Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo	
84	Đỗ Mai Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh	
85	Nguyễn Gia Bảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bảo	
86	Quách Gia Bảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bảo	
87	Nguyễn Ngọc Thành Công	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Công	
88	Đặng Việt Duy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Duy	
89	Nguyễn Thùy Dương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dương	
90	Nguyễn Đức Đại	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đại	
91	Đỗ Danh Đạt	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dat	
92	Vũ Minh Đức	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đức	
93	Nguyễn Thị Minh Hậu	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hậu	
94	Phạm Minh Hùng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hùng	
95	Nguyễn Quốc Hùng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hùng	

TT theo Đơn vị	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ học phí	Số tháng hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí đợt 2 năm 2024 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được giảm học phí ở chính sách	Tổng kinh phí hỗ trợ đợt 2 năm 2024 theo NQ54/2019/NQ-HĐND	Ký xác nhận
96	Nguyễn Anh Huy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Huy
97	Nguyễn Ngọc Phúc Hưng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hưng
98	Phùng Minh Khang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000	248,000	0	Khang
99	Lương Đăng Khang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khang
100	Nguyễn Thị Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh
101	Nguyễn Phương Mai	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Mai
102	Lê Nhật Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
103	Nguyễn Thảo My	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	My
104	Đỗ Hải Nam	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nam
105	Bùi Vũ Khánh Ngọc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngọc
106	Nguyễn Bảo Ngọc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngọc
107	Đặng Việt Phúc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phúc
108	Đặng Thị Mai Phương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	phương
109	Phạm Thị Quỳnh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quỳnh
110	Nguyễn Thị Thuý Tiên	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tiên
111	Nguyễn Văn Toán	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Toán
112	Vũ Mạnh Tùng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tùng
113	Bùi Thị Thanh Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo
114	Vũ Huyền Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang
115	Hoàng Xuân Trường	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trường
116	Lương Thị Vân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vân
117	Ninh Thị Thanh Vân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vân
118	Hoàng Nguyễn Bảo Việt	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Việt
119	Nguyễn Đình Minh Vũ	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vũ
120	Hoàng Nhật Vy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vy
121	Nguyễn Thị Kiều Vy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vy
122	Phùng Hải Yến	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Yến
123	Nguyễn Phương Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	thảo
124	Trần Ngọc Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
125	Đỗ Văn Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
126	Nguyễn Ngọc Bảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bảo
127	Nguyễn Bá Bảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bảo
128	Đào Quang Gia Bảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Diệp
129	Bùi Nguyễn Ngọc Diệp	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Diệp
130	Nguyễn Thị Thuý Dương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dương
131	Bùi Thị Ánh Dương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đạt
132	Bùi Văn Đạt	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đạt
133	Nguyễn Đình Đạt	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đạt
134	Nguyễn Đình Hoàng Hải	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hải
135	Nguyễn Bảo Hân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hân
136	Đặng Gia Huy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Huy
137	Đỗ Văn Khang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khang
138	Bùi Duy Khánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khánh
139	Bùi Thiên Khôi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khôi
140	Lương Hoàng Phúc Lâm	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Lâm
141	Nguyễn Công Lý	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Lý
142	Nguyễn Gia Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
143	Nguyễn Bảo Nam	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nam
144	Ninh Hải Nam	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nam
145	Đặng Thu Ngân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngân
146	Nguyễn Thị Kim Ngân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngân

TT theo Đơn vị	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ học phí	Số tháng hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí đợt 2 năm 2024 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được giảm học phí ở chính sách	Tổng kinh phí hỗ trợ đợt 2 năm 2024 theo NQ54/2019/ NQ-HĐND	Ký xác nhận
147	Ngô Thị Khánh Ngọc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngọc
148	Đỗ Minh Ngọc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngọc
149	Lương Thị Yến Nhi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhi
150	Đào Thị Quỳnh Như	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Như
151	Nguyễn Thế Phong	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phong
152	Nguyễn Văn Quyền	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quyền
153	Bùi Đình Quyền	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quyền
154	Nguyễn Phạm Như Quỳnh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quỳnh
155	Nguyễn Văn Tuấn	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tuấn
156	Nguyễn Đăng Tùng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tùng
157	Nguyễn Duy Thái	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thái
158	Bùi Phương Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo
159	Nguyễn Minh Thịnh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thịnh
160	Đặng Thị Mai Thủy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thủy
161	Hoa Mai Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang
162	Nguyễn Đăng Thế Vinh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vinh
163	Nguyễn Thị Yến Vy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vy
164	Nguyễn Thiên Quân Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
165	Nguyễn Thiên Kim	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Kim
166	Đặng Phương Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
167	Đặng Thị Ngọc Ánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
168	Đỗ Thị Ngọc Ánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
169	Lê Văn Bảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bảo
170	Nguyễn Thị Ngọc Bích	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bích
171	Trần Phú Bình	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bình
172	Nguyễn Thế Thành Công	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Công
173	Nguyễn Văn Công	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Công
174	Nguyễn Thiên Hải Đăng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đăng
175	Vũ Hải Đăng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đăng
176	Phạm Thị Thu Hà	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hà
177	Nguyễn Đăng Hiếu	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiếu
178	Nguyễn Thế Hoàng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000	124,000	124,000	Hoàng
179	Nguyễn Thị Kim Huệ	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Huệ
180	Bùi Đình Hưng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hưng
181	Đỗ Quang Hưng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hưng
182	Nguyễn Tiến Hưng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hưng
183	Nguyễn Phùng An Khang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khang
184	Lương Gia Khánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khánh
185	Ninh Ngọc Khánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khánh
186	Đặng Xuân Long	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000	248,000	0	Long
187	Nguyễn Thị Thảo Ly	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ly
188	Phạm Thị Huyền Mai	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Mai
189	Lê Công Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
190	Nguyễn Hồng Quang Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
191	Đào Thị Trà My	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	My
192	Quách Thị Minh Nguyệt	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nguyệt
193	Nguyễn Sỹ Minh Nhật	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhật
194	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhi
195	Ninh Yến Nhi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhi
196	Phạm Yến Nhi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhi
197	Phạm Thị Mai Ninh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ninh
198	Đỗ Thị Hà Phương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phương

TT theo Đơn vị	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ học phí	Số tháng hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí đợt 2 năm 2024 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được giảm học phí ở chính sách	Tổng kinh phí hỗ trợ đợt 2 năm 2024 theo NQ54/2019/NQ-HĐND	Ký xác nhận
199	Phạm Thị Hồng Quyên	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quyên
200	Đỗ Thị Thu Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo
201	Vũ Văn Thắng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000	248,000	0	Thắng
202	Nguyễn Trọng Tiến	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tiến
203	Đào Bá Quang Vinh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vinh
204	Nguyễn Anh Vũ	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vũ
205	Đặng Vi Yên	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Yên
206	Phạm Minh Khang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khang
207	Nguyễn Thế An	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	An
208	Đoàn Văn Việt Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
209	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
210	Đào Gia Bảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bảo
211	Nguyễn Bá Bảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bảo
212	Phạm Phương Chi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Chi
213	Ninh Lê Thuý Dung	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dung
214	Ngô Thanh Hằng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hằng
215	Nguyễn Văn Hiệp	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiệp
216	Phạm Quang Hiệp	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiệp
217	Nguyễn Thị Hoà	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hoà
218	Vũ Mạnh Hùng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hùng
219	Vũ Đức Huy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Huy
220	Hoàng Đăng Khoa	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khoa
221	Nguyễn Yên Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh
222	Quách Thành Long	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Long
223	Nguyễn Bảo Lộc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Lộc
224	Nguyễn Ngọc Lộc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Lộc
225	Nguyễn Thành Lợi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Lợi
226	Đỗ Thị Lương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Lương
227	Nguyễn Văn Mạnh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Mạnh
228	Nguyễn Ngọc Nga	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nga
229	Nguyễn Thị Ngân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngân
230	Nguyễn Văn Nghĩa	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nghĩa
231	Đỗ Thị Minh Ngọc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngọc
232	Bùi Minh Nguyệt	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nguyệt
233	Nguyễn Long Nhật	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngài
234	Nguyễn Sỹ Quang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quang
235	Nguyễn Văn Quang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quang
236	Nguyễn Hồng Quân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quân
237	Vũ Ngô Tân Quý	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quý
238	Bùi Thanh Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo
239	Nguyễn Hương Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo
240	Nguyễn Thị Mai Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang
241	Nguyễn Ninh Trúc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trúc
242	Trần Thị Thanh Trúc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trúc
243	Phạm Thiên Trường	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trường
244	Nguyễn Văn Tùng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tùng
245	Đào Bích Vân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vân
246	Nguyễn Quang Vinh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vinh
247	Nguyễn Trọng Bách	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bách
248	Bùi Nguyễn Gia Bảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bảo
249	Lê Anh Duy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Duy
250	Mai Xuân Đại	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đại

TT theo Đơn vị	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ học phí	Số tháng hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí đợt 2 năm 2024 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được giảm học phí ở chính sách	Tổng kinh phí hỗ trợ đợt 2 năm 2024 theo NQ54/2019/ NQ-HĐND	Ký xác nhận
251	Vũ Tiến Đạt	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dạt
252	Nguyễn Phạm Bảo Hà	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hà
253	Nguyễn Thị Ngân Hằng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hằng
254	Nguyễn Minh Hiền	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiền
255	Nguyễn Thị Hoa	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hoa
256	Nguyễn Thế Hùng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hùng
257	Trần Thị Thu Hương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hương
258	Phạm Khánh Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh
259	Trần Khánh Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh
260	Đỗ Khánh Long	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Long
261	Nguyễn Thành Long	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Long
262	Nguyễn Ngọc Quang Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
263	Vũ Trịnh Trà My	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	My
264	Bùi Hải Nam	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nam
265	Nguyễn Nhật Nam	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nam
266	Ninh Văn Hải Nam	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nam
267	Vũ Phương Nam	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nam
268	Bùi Ngọc Nhi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhi
269	Bùi Thị Yến Nhi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhi
270	Vũ Thị Nhung	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhung
271	Lương Đăng Tấn Phát	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phát
272	Vũ Quỳnh Phương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phương
273	Nguyễn Văn Quang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quang
274	Nguyễn Ngọc Quân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quân
275	Vũ Minh Quân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quân
276	Trần Đình Quyền	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quyền
277	Phạm Văn Sang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Sang
278	Đặng Xuân Thái	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thái
279	Nguyễn Văn Thắng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thắng
280	Nguyễn Thanh Thủy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thủy
281	Nguyễn Thị Thủy Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang
282	Lương Phú Trọng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trọng
283	Bùi Phương Tuyết	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tuyết
284	Đào Huy Vũ	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vũ
285	Bùi Hải Yến	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Yến
286	Đoàn Phương Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo
287	Đàm Xuân Quang Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
288	Vũ Thị Phương Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
289	Vũ Thị Ngọc Ánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ánh
290	Lương Thị Mai Chính	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Chính
291	Bùi Đình Cường	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Cường
292	Nguyễn Kiên Cường	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Cường
293	Đỗ Đăng Dương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dương
294	Nguyễn Đình Đô	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đô
295	Hoàng Mạnh Hải	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hải
296	Bùi Ngọc Hân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hân
297	Bùi Đình Minh Hiền	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiền
298	Đặng Việt Gia Huy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Huy
299	Lê Quốc Tuấn Khang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khang
300	Nguyễn Đăng Khánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khánh
301	Đặng Thị Khánh Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh
302	Bùi Đình Bảo Long	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Long

TT theo Đơn vị	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ học phí	Số tháng hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí đợt 2 năm 2024 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được giảm học phí ở chính sách	Tổng kinh phí hỗ trợ đợt 2 năm 2024 theo NQ54/2019/ NQ-HĐND	Ký xác nhận
					248,000		248,000	Long
303	Nguyễn Ngọc Long	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Lương
304	Nguyễn Thị Lương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nguyễn
305	Nguyễn Thị Nghĩa	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngọc
306	Nguyễn Hồng Ngọc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nguyễn
307	Nguyễn Thảo Nguyên	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nguyễn
308	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhan
309	Đặng Xuân Kiên Nhận	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Canh
310	Lương Kiều Oanh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Oanh
311	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quang
312	Đào Xuân Quang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quang
313	Đặng Văn Nhật Quang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quỳ
314	Nguyễn Phú Quý	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tham
315	Đoàn Tiên Thành	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thủy
316	Hoàng Thị Thủy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thái
317	Nguyễn Minh Thư	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	T. Húc
318	Nguyễn Thanh Trúc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tú
319	Ninh Tuấn Tú	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quân
320	Bùi Anh Tuấn	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quân
321	Nguyễn Trọng Anh Tuấn	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vân
322	Đặng Thanh Vân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vũ
323	Nguyễn Văn Minh Vũ	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Lĩnh
324	Nguyễn Diệu Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
325	Trần Lê Ngọc Ánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	An
326	Lương Đăng Hải An	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
327	Nguyễn Hải Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
328	Nguyễn Thị Phương Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
329	Vũ Thị Hải Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hải Anh
330	Nguyễn Đăng Dũng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dũng
331	Nguyễn Tấn Dũng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dũng
332	Đặng Việt Đạt	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đạt
333	Trần Quốc Đạt	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000	248,000	0	Đạt
334	Trần Đình Đoàn	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đoàn
335	Trần Đình Đức	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đức
336	Quách Thu Hiền	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiền
337	Nguyễn Văn Hiền	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiền
338	Nguyễn Thu Huyền	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Huyền
339	Ninh Văn Khải	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khải
340	Vũ Đình Khánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khánh
341	Trương Trung Kiên	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Kiên
342	Nguyễn Đức Lâm	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Lâm
343	Phạm Gia Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh
344	Phạm Đức Long	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Long
345	Trịnh Quốc Long	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Long
346	Nguyễn Sỹ Luân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Luân
347	Nguyễn Thị Tuyết Mai	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thị Mai
348	Lê Nhật Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
349	Nguyễn Khánh Ngọc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngọc
350	Nguyễn Đăng Nhật	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngọc
351	Trần Long Nhật	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngọc
352	Nguyễn Uyên Nhi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhi
353	Đặng Việt Đại Phú	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phú
354	Bùi Vinh Quang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quang

TT theo Đơn vị	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ học phí	Số tháng hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí đợt 2 năm 2024 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được giảm học phí ở chính sách	Tổng kinh phí hỗ trợ đợt 2 năm 2024 theo NQ54/2019/NQ-HĐND	Ký xác nhận
355	Nguyễn Đức Quang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quang
356	Nguyễn Đăng Quý	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quý
357	Ninh Văn Nhật Tâm	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tâm
358	Nguyễn Mai Thanh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thanh
359	Nguyễn Phương Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo
360	Đào Minh Thư	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thư
361	Nguyễn Huyền Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang
362	Nguyễn Thị Hồng Vân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000	124,000	124,000	Vân
363	Lê Yến Tường Vy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vy
364	Vũ Thị Như Ý	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ý
365	Trần Thị Hải An	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	An
366	Đào Mai Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
367	Lương Đăng Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
368	Nguyễn Thị Hà Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
369	Quách Thị Vân Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
370	Nguyễn Văn Bảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bảo
371	Phạm Văn Bình	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bình
372	Nguyễn Văn Thành Đạt	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dat
373	Phạm Văn Đông	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đông
374	Vũ Thanh Hà	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hà
375	Thần Công Hải	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hải
376	Đặng Phú Hòa	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hòa
377	Ninh Thị Huệ	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Huê
378	Nguyễn Mạnh Hùng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hùng
379	Phạm Gia Huy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Huy
380	Phạm Phú Hưng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hưng
381	Nguyễn Ngọc Hương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000	124,000	124,000	Hương
382	Nguyễn Ngọc Khang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khang
383	Nguyễn Văn Khánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khánh
384	Đỗ Đăng Khoa	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khoa
385	Nguyễn Thế Khoa	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khoa
386	Đào Thị Phương Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh
387	Đào Thùy Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh
388	Vũ Thùy Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh
389	Nguyễn Thành Luân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Luân
390	Đào Quỳnh Mai	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Mai
391	Nguyễn Tuyết Mai	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Mai
392	Vũ Hoàng Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
393	Nguyễn Thị Trà My	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	My
394	Nguyễn Văn Thành Nam	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nam
395	Phạm Thị Thúy Ngân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngân
396	Lương Đăng Quân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quân
397	Đặng Hoàng Minh Quân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quân
398	Nguyễn Xuân Quyền	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quyền
399	Nguyễn Như Quỳnh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quỳnh
400	Đặng Hồng Thái	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thái
401	Nguyễn Ngọc Thành	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thành
402	Phạm Thị Diệu Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang
403	Đỗ Văn Tuấn	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tuấn
404	Đặng Thế Tùng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tùng
405	Lương Yến Vy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vy
406	Đào Việt Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh

TT theo Đơn vị	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ học phí	Số tháng hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí đợt 2 năm 2024 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được giảm học phí ở chính sách	Tổng kinh phí hỗ trợ đợt 2 năm 2024 theo NQ54/2019/NQ-HĐND	Ký xác nhận
407	Nguyễn Đăng Việt Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	V. Anh
408	Đặng Thị Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
409	Lương Gia Bảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bảo
410	Nguyễn Văn Bảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bảo
411	Nguyễn Như Bình	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bình
412	Nguyễn Ngọc Hà	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hà
413	Đỗ Xuân Hiếu	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hoa
414	Nguyễn Ngọc Hòa	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hòa
415	Phạm Anh Hùng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hùng
416	Phạm Văn Hùng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hùng
417	Ninh Phạm Gia Hưng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hưng
418	Lương Minh Khang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khang
419	Vũ Quốc Khánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khánh
420	Lương Ngọc Lan	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Lan
421	Bùi Lê Khánh Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh
422	Nguyễn Thái Thuý Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh
423	Đào Quang Gia Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
424	Nguyễn Bình Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
425	Nguyễn Phương Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
426	Nguyễn Bùi Thuý Nghĩa	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nghĩa
427	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngọc
428	Phạm Bảo Ngọc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngọc
429	Lương Thị Thảo Nguyên	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nguyên
430	Hoàng Thị Yến Nhi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhi
431	Vũ Thị Hồng Nhung	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhung
432	Nguyễn Thiên Phúc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phúc
433	Nguyễn Văn Duy Phương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phương
434	Lương Đăng Minh Quang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quang
435	Nguyễn Đăng Quyền	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quyền
436	Trần Sơn Quyền	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quyền
437	Ninh Văn Sơn	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Sơn
438	Đào Thị Phương Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo
439	Vũ Thị Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo
440	Vũ Thị Phương Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo
441	Nguyễn Văn Thắng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thắng
442	Đặng Thu Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang
443	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tuyết
444	Nguyễn Hữu Hoàng Vinh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vinh
445	Phạm Huy Vũ	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vũ
446	Ninh Thị Phương Vy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vy
447	Hoàng Hải Yến	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Yến
448	Lương Thị Yến	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Yến
449	Nguyễn Đăng Khôi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khôi
450	Đặng Văn Đức Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đ. Anh
451	Ngô Quỳnh Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
452	Nguyễn Tuấn Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	T. Anh
453	Đặng Hoàng Gia Bảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bảo
454	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Diệp
455	Đào Quang Hiếu	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiếu
456	Nguyễn Đình Hoàng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hoàng
457	Nguyễn Văn Huân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Huân
458	Vũ Tuấn Huy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Huy

TT theo Đơn vị	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ học phí	Số tháng hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí đợt 2 năm 2024 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được giảm học phí ở chính sách	Tổng kinh phí hỗ trợ đợt 2 năm 2024 theo NQ54/2019/NQ-HĐND	Ký xác nhận
459	Đào Tuấn Hưng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hưng
460	Nguyễn Gia Hưng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hưng
461	Phạm Tuấn Hưng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hưng
462	Vũ Quang Hưng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hưng
463	Bùi Duy Khanh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khanh
464	Nguyễn Nam Khánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khanh
465	Nguyễn Yến Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh
466	Nguyễn Phương Nga	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nga
467	Nguyễn Trung Nguyên	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nguyên
468	Nguyễn Thị Yến Nhi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhi
469	Nguyễn Thị Thùy Nhung	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhung
470	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Oanh
471	Ninh Thị Kiều Oanh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Oanh
472	Nguyễn Tân Phát	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phát
473	Đào Quang Chấn Phong	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phong
474	Nguyễn Thu Phương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phương
475	Vũ Mai Phương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phương
476	Trần Kim Phụng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phụng
477	Trần Thị Diễm Quỳnh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quỳnh
478	Đào Quang Sơn	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Sơn
479	Nguyễn Tuấn Thành	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thành
480	Nguyễn Thị Thanh Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo
481	Đỗ Thị Thanh Thủy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thủy
482	Phạm Thị Anh Thư	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thư
483	Nguyễn Huyền Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang
484	Nguyễn Phạm Thị Huyền Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang
485	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang
486	Lương Đăng Vinh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vinh
487	Đỗ Minh Vũ	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vũ
488	Trần Hiếu Vy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vy
489	Lương Đăng Tuấn Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
490	Nguyễn Trần Duy Bảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bảo
491	Ninh Thành Công	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Công
492	Nguyễn Hùng Dũng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dũng
493	Nguyễn Đức Dương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dương
494	Hoàng Trí Đạt	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đạt
495	Nguyễn Tiến Đạt	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đạt
496	Ninh Văn Đạt	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đạt
497	Vũ Minh Đức	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đức
498	Phạm Đức Hiếu	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiếu
499	Phạm Phú Hiếu	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiếu
500	Phạm Văn Huy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Huy
501	Nguyễn Quốc Hưng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hưng
502	Vũ Khánh Hưng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hưng
503	Ngô Đan Hương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hương
504	Đoàn Duy Khánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khanh
505	Ninh Nam Khánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khanh
506	Đặng Thị Anh Khoa	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khoa
507	Nguyễn Văn Đăng Khoa	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khoa
508	Đặng Việt Thiên Lâm	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Lâm
509	Nguyễn Thị Mai Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh

TT theo Đơn vị	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ học phí	Số tháng hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí đợt 2 năm 2024 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được giảm học phí ở chính sách	Tổng kinh phí hỗ trợ đợt 2 năm 2024 theo NQ54/2019/ NQ-HĐND	Ký xác nhận
510	Nguyễn Thị Phương Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Lộc
511	Quách Văn Lộc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Lộc
512	Phạm Phú Luận	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Luận
513	Vũ Ngọc Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
514	Phạm Ánh Ngọc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngọc
515	Nguyễn Thị Nhi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhi
516	Nguyễn Thị Yến Nhi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhi
517	Nguyễn Xuân Phú	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phú
518	Đặng Anh Quân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quân
519	Nguyễn Thị Quyên	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quyên
520	Ngô Khánh Quỳnh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quỳnh
521	Vũ Hoàng Sơn	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Sơn
522	Nguyễn Việt Thái	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thái
523	Bùi Phương Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo
524	Nguyễn Phương Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo
525	Bùi Huyền Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang
526	Vũ Thị Thanh Vân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vân
527	Hoàng Thị Yến Vi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vi
528	Vũ Đức Vinh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vinh
529	Phạm Khánh Vy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vy
530	Đặng Hải Yến	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Yến
531	Nguyễn Thị Hải Yến	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Yến
532	Nguyễn Nam Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
533	Nguyễn Việt Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
534	Đào Thị Ngọc Ánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ánh
535	Ninh Thị Ngọc Ánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ánh
536	Phạm Thị Băng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ánh
537	Bùi Quế Chi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Chi
538	Ninh Thị Mỹ Duyên	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000	124,000	124,000	Duyên
539	Nguyễn Tiến Đạt	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đạt
540	Ninh Văn Hà	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hà
541	Nguyễn Thị Ngọc Hân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hân
542	Nguyễn Minh Hiếu	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiếu
543	Phạm Minh Hoàng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hoàng
544	Bùi Đình Minh Huy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Huy
545	Vũ Thị Huyền	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Huyền
546	Nguyễn Thu Hương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hương
547	Quách Văn Tuấn Khanh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khanh
548	Hoa Xuân Khánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khanh
549	Nguyễn Đăng Khôi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khôi
550	Nguyễn Phúc Lâm	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Lâm
551	Nguyễn Văn Bảo Lâm	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Lâm
552	Nguyễn Văn Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh
553	Bùi Công Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
554	Nguyễn Đăng Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
555	Phạm Công Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
556	Vũ Văn Nghĩa	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nghĩa
557	Nguyễn Bảo Ngọc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngọc
558	Phùng Như Nguyệt	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nguyệt
559	Bùi Đình Long Nhật	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhật
560	Bùi Minh Nhật	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhật
561	Trần Yến Nhi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000	248,000	0	Nhi

TT theo Đơn vị	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ học phí	Số tháng hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí đợt 2 năm 2024 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được giảm học phí ở chính sách	Tổng kinh phí hỗ trợ đợt 2 năm 2024 theo NQ54/2019/NQ-HĐND	Ký xác nhận
562	Ninh Kim Phú	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phú
563	Nguyễn Hồng Phúc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phúc
564	Nguyễn Khánh Phương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phương
565	Nguyễn Mai Phương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phương
566	Ninh Hồng Sơn	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Sơn
567	Nguyễn Tấn Tài	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tài
568	Đỗ Trọng Thắng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thắng
569	Nguyễn Bảo Thy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thy
570	Hoàng Nguyễn Bảo Trâm	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trâm
571	Đặng Viết Trung	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trung
572	Bùi Đình Minh Trường	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trường
573	Nguyễn Văn Ngọc Tuấn	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tuấn
574	Vũ Hoàng Uyên	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Uyên
575	Nguyễn Hải Yến	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Yến
576	Ninh Hoàng Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
577	Phạm Ngọc Ánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000	124,000	124,000	Ánh
578	Bùi Lương Gia Bảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bảo
579	Đặng Thị Bích	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bích
580	Nguyễn Văn Công	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Công
581	Đoàn Văn Cường	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Cường
582	Phạm Quốc Duy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Duy
583	Nguyễn Thùy Dương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dương
584	Nguyễn Hải Đăng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đăng
585	Bùi Chí Đông	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đông
586	Nguyễn Hữu Đức	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đức
587	Nguyễn Thị Ngọc Hà	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hà
588	Nguyễn Ngọc Hải	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hải
589	Nguyễn Mai Hiền	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiền
590	Trần Thị An Hiền	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiền
591	Nguyễn Đức Hiếu	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiếu
592	Nguyễn Minh Hiếu	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiếu
593	Vũ Thị Mai Hoa	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hoa
594	Nguyễn Thị Huyền	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Huyền
595	Phạm Tuấn Khang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khang
596	Lê Duy Khánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khánh
597	Nguyễn Ngọc Khánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khánh
598	Nguyễn Văn Khánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khánh
599	Đỗ Trọng Kiên	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Kiên
600	Nguyễn Diệu Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh
601	Nguyễn Thùy Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh
602	Phạm Thùy Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh
603	Nguyễn Văn Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
604	Hoàng Nguyễn Bảo Nam	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nam
605	Nguyễn Ánh Ngọc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngọc
606	Hoàng Thị Yến Nhi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhi
607	Nguyễn Yến Nhi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhi
608	Lương Đăng Phúc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phúc
609	Vũ Thị Thanh Phương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phương
610	Vũ Thị Như Quỳnh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quỳnh
611	Bùi Chiến Thắng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thắng
612	Vũ Phương Thủy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thủy
613	Nguyễn Thị Nhật Thủy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thủy

TT theo Đơn vị	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ học phí	Số tháng hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí đợt 2 năm 2024 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được giảm học phí ở chính sách	Tổng kinh phí hỗ trợ đợt 2 năm 2024 theo NQ54/2019/ NQ-HĐND	Ký xác nhận
614	Đào Thùy Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang
615	Nguyễn Thị Thùy Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang
616	Nguyễn Thị Thùy Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang
617	Lương Quốc Trung	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trung
618	Lương Đăng Trường	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trường
619	Nguyễn Văn Vinh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vinh
620	Nguyễn Văn Võ	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Võ
621	Nguyễn Tuấn Vũ	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vũ
622	Nguyễn Thị Hải Yến	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Yến
623	Bùi Văn Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
624	Nguyễn Bá Tuấn Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
625	Nguyễn Đức Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
626	Nguyễn Ngọc Minh Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
627	Nguyễn Quốc Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
628	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
629	Phạm Gia Bảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bảo
630	Đoàn Thị Kim Chi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Chi
631	Nguyễn Công Chính	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Chính
632	Nguyễn Việt Cường	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Cường
633	Đặng Thùy Dương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dương
634	Nguyễn Thùy Dương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dương
635	Trần Thị Thùy Dương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dương
636	Ngô Văn Tiến Đạt *	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đạt
637	Vũ Thành Đạt *	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Đạt
638	Nguyễn Thị Ngọc Hà	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hà
639	Nguyễn Thu Hằng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hằng
640	Nguyễn Việt Hoàng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hoàng
641	Hoàng Tuấn Khang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khang
642	Ninh Tuấn Khang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khang
643	Nguyễn Bá Khánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khánh
644	Nguyễn Quang Khánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Khánh
645	Nguyễn Thị Thùy Linh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Linh
646	Lương Khánh Ly	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ly
647	Trần Thị Ninh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ninh
648	Đỗ Trọng Phát	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phát
649	Nguyễn Vũ Phong	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phong
650	Nguyễn Thị Hồng Phúc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phúc
651	Nguyễn Minh Phương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phương
652	Đoàn Hồng Quang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quang
653	Ninh Thị Phương Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo
654	Trần Vũ Phương Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo
655	Phạm Bảo Thư	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thư
656	Nguyễn Sỹ Thường	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thường
657	Nguyễn Bá Toán	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Toán
658	Đặng Việt Trọng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trọng
659	Lương Đăng Việt Trung	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trung
660	Nguyễn Đức Trường	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trường
661	Lương Hoàng Tùng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tùng
662	Nguyễn Đình Vũ	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vũ
663	Đặng Thu Ngọc Vượng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vượng
664	Nguyễn Thị Yến Vy	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Vy
665	Ninh Hải Yến	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Yến

TT theo Đơn vị	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ học phí	Số tháng hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí đợt 2 năm 2024 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được giảm học phí ở chính sách	Tổng kinh phí hỗ trợ đợt 2 năm 2024 theo NQ54/2019/ NQ-HĐND	Ký xác nhận
666	Đào Trọng An	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	An
667	Đồng Thị Vân Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
668	Nguyễn Phương Anh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Anh
669	Bùi Xuân Bảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Bảo
670	Lê Quỳnh Chi	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	chi
671	Nguyễn Đức Dũng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dũng
672	Nguyễn Đăng Dương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Dương
673	Quách Thị Hương Giang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Giang
674	Lương Đăng Hiếu	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiếu
675	Nguyễn Ngọc Hiếu	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000	124,000	124,000	Hiếu
676	Nguyễn Văn Hiếu	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiếu
677	Nguyễn Văn Hiếu	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hiếu
678	Phạm Khánh Hòa	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hòa
679	Đặng Việt Hoàng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Hoàng
680	Trịnh Văn Khánh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	khánh
681	Đỗ Trọng Long	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Long
682	Phùng Thị Khánh Ly	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ly
683	Bùi Đình Quang Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
684	Đặng Huy Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
685	Nguyễn Đăng Ngọc Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Minh
686	Nguyễn Bá Nam	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nam
687	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nga
688	Nguyễn Thị Hoàng Ngân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngân
689	Phạm Khánh Ngọc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Ngọc
690	Phạm Thị Thúy Nhung	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Nhung
691	Nguyễn Duy Phong	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phong
692	Lương Thị Ngọc Phúc	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phúc
693	Nguyễn Mai Phương	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Phương
694	Nguyễn Đăng Quang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quang
695	Nguyễn Đình Minh Quân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quân
696	Trần Đình Minh Quyết	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Quyết
697	Ninh Trung Sơn	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Sơn
698	Nguyễn Ngọc Duy Tân	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Tân
699	Nguyễn Kim Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo
700	Phạm Nguyễn Ngọc Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo
701	Phạm Thị Thanh Thảo	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thảo
702	Đỗ Đức Thịnh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thịnh
703	Nguyễn Văn Thuận	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Thuận
704	Bùi Thùy Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang
705	Nguyễn Thị Thu Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang
706	Nguyễn Thùy Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang
707	Nguyễn Minh Trọng	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trọng
708	Bùi Thành Trung	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trung
709	Nguyễn Thế Trường	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trường
710	Nguyễn Hải Yên	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Yên
711	Hoàng Tô Như	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Như
712	Nguyễn Thu Trang	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	Trang

TT theo Đơn vị	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ học phí	Số tháng hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí đợt 2 năm 2024 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được giảm học phí ở chính sách	Tổng kinh phí hỗ trợ đợt 2 năm 2024 theo NQ54/2019/ NQ-HĐND	Ký xác nhận
713	Đặng Việt Minh	THCS Tân Viên	62,000	4	248,000		248,000	<i>Minh</i>
	Tổng		62,000	4	176,824,000	2,232,000	174,592,000	

Danh sách này có : 713 người

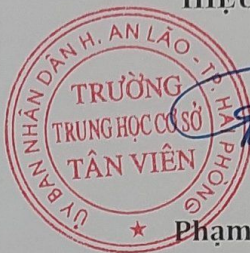
Người lập biểu

thay

Nguyễn Thị Nhân

An Lão, ngày 10 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Văn Hải
Phạm Văn Hải